# CẢI THIỆN KĨ NĂNG NÓI TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

**Đồng Thị Xuân Dung***

*ABSTRACT*

*English spaeking skill is one of the most important language skills, especially in work environment. However, speaking skill of students in general and students of pedagogy students economics in particular is not good enough. In order to overcome this weakness, the article mentions present situations of learning English and makes suggestions on effective teaching and learning.*

***Keywords:*** *Present of learing English; effective teaching and learning*

***Ngày nhận bài: 04/6/2021; Ngày phản biện: 07/6/2021 ; Ngày duyệt đăng: 09/6/2021***

**1. Đặt vấn đề**

Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu hiện nay, tiếng Anh đã trở thành một phương tiện thật sự cần thiết đối với chúng ta. Trong thị trường lao động, một ứng viên với trình độ chuyên môn vững vàng cộng với việc sử dụng tiếng Anh lưu loát luôn tạo được ấn tượng tốt đối với nhà tuyển dụng. Kĩ năng nói tiếng Anh tốt giúp các ứng viên có được ưu thế vượt trội hơn so với những người có cùng trình độ chuyên môn. Tuy nhiên, một thực trạng đáng tiếc đó là kĩ năng giao tiếp bằng tiếng Anh của nhiều sinh viên (SV) sau khi ra trường, đặc biệt là kĩ năng nói còn chưa tốt, chưa đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng. Thực trạng này cũng đã được nhiều tác giả đề cập trong thời gian gần đây. Điều đáng quan tâm đó là tại sao SV chưa đạt được những kĩ năng ngôn ngữ cần thiết mặc dù họ đã được học tiếng Anh từ rất sớm. Để có thể tìm hiểu được nguyên nhân sâu xa của vấn đề này cần phải có sự nghiên cứu quy mô trên diện rộng. Trong khuôn khổ bài báo này, tác giả đề cập đến thực trạng hoạt động dạy học tiếng Anh nói chung và việc rèn luyện kĩ năng nói tiếng Anh cho SV nói riêng, đồng thời qua đó đề xuất một số giải pháp giúp nâng cao chất lượng dạy học, cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh cho SV năm thứ nhất Trường Đại học Tân Trào.

**2. Nội dung nghiên cứu**

***2.1. Thực trạng về kỹ năng nói tiếng Anh của SV năm thứ nhất, Trường Đại học Tân Trào***

Theo khảo sát của các giảng viên GV) là đồng nghiệp của tác giả, qua phỏng vấn sinh viên đầu mỗi năm học thì khoảng 70% SV đã được học tiếng Anh từ 7 năm trở lên, khoảng 30% SV đã học tiếng Anh hệ 3 năm. Tuy nhiên, các kĩ năng ngôn ngữ của SV còn rất hạn chế, đặc biệt là kĩ năng nghe và kỹ năng nói. Khả năng nghe để nắm bắt thông tin của 50% số SV chỉ đạt trung bình và dưới mức trung bình, một số sinh viên thậm chí chưa hiểu câu khẩu lệnh đơn giản. SV chưa có thói quen giao tiếp với nhau bằng tiếng Anh. Trong các giờ thực hành nói tiếng Anh, có đến 30% SV chưa thực hiện được đoạn hội thoại mẫu theo cặp thành công và khoảng 50% sinh viên chỉ thực hành nói rập khuôn máy móc, chưa có sự sáng tạo. Phần lớn SV (67%) phát âm chưa chuẩn, đặc biệt là khi phát âm các phụ âm cuối.

Thực tế quan sát việc học tiếng Anh của SV cho thấy, phần lớn SV chưa có cách học hiệu quả. SV chủ yếu tìm nghĩa từ vựng, bỏ qua phần phát âm và chưa có thói quen chuẩn bị các ý tưởng cho các tình huống cũng như các chủ đề nói, do đó ở lớp hầu hết sinh viên chưa thể đáp ứng được ngay các yêu cầu của giáo viên, hiệu quả thực hành không cao. Thêm nữa là SV thường có thói quen học từ vựng đơn lẻ, học thuộc lòng từ đơn mà chưa biết cách sắp xếp các từ thành câu mà hoạt động giao tiếp là sự hình thành chuỗi các lời nói (câu, cụm từ) phù hợp với ngữ cảnh chứ không thể chỉ nói từ riêng lẻ.

***2.2. Giải pháp cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh cho SV năm thứ nhất Trường Đại học Tân Trào***

*2.2.1. Đối với giảng viên*

Đội ngũ GV cần quan tâm nhiều hơn nữa đến động cơ, thái độ và chiến lược học tập của SV để từ đó giúp SV đánh giá đúng đắn sự cần thiết của tiếng Anh cho tương lai của mình, tạo động lực tích cực cho SV chủ động, tích cực trong học tập.

Hướng dẫn, tư vấn cho SV những các học hiệu

* ThS. Trường Đại học Tân Trào

quả giúp SV cảm thấy hứng thú hơn thú hơn trong việc học tiếng Anh (cách soạn bài, cách học từ vựng, cách sắp xếp từ tạo thành câu, cách sắp xếp câu thành đoạn hội thoại hợp ngữ cảnh,...)

Ví dụ: với động từ *like*

GV có thể đưa ra cấu trúc: *S + like/likes + v-ing* hoặc *S + like/likes + noun*. Sau đó GV yêu cầu SV ghép thêm động từ (v-ing) hoặc danh từ (noun) mà sinh viên đã học vào để tạo thành câu

*I like studying English.*

*I like flowers.*

GV không gây áp lực học đối với SV yếu, SV chưa chăm học. Thay vào đó GV hãy có biện pháp động viên, khuyến khích để SV tự giác học. GV nên thiết kế nhiều loại hình hoạt động khách nhau theo mức độ khó tăng dần và phù hợp với nhóm sinh viên. Khuyến khích SV hạn chế sử dụng tiếng Việt trong giờ học nói tiếng Anh. Tạo sự tự tin trong giao tiếp cho sinh viên, không nên đặt nặng vấn đề phải nói đúng ngữ pháp khiến sinh viên cảm thấy e ngại. Thay vào đó, GV nên khuyến khích sinh viên cố gắng diễn đạt ý tưởng.

Trong dạy nhọc, GV phải linh hoạt. Sau khi các hoạt động đã được tiến hành, việc trước tiên GV cần làm là theo dõi tất cả SV đang thực hiện các hoạt động đúng theo yêu cầu của giáo GV hay không. Chú ý rằng việc sửa lỗi tức thì cần phải được cắt giảm tới mức tối đa nhằm tránh gây mất hứng thú cho người học.

*2.2.2. Một số biện pháp cụ thể*

a. Hỏi và trả lời dựa theo bài text mẫu hoặc theo chủ đề

Đây là hoạt động thông dụng nhất và được sử dụng rộng rãi nhất bởi các giáo viên dạy ngoại ngữ. Hoạt động này dựa trên khái niệm của việc tạo ra những "lỗ hổng thông tin". GV đưa ra một loạt danh mục và cho sinh viên lựa chọn, mỗi người chỉ chọn một phần trong số các danh mục đó. Sau đó người nọ hỏi người kia về những phần mà mình chưa biết bằng cách đưa ra câu hỏi.

Loại hoạt động này rất thông dụng và phổ biến vì có thể áp dụng cho mọi loại đối tượng, mọi loại trình độ. Nếu trình độ thấp thì câu hỏi đưa ra sẽ là những câu hỏi dễ. Nếu trình độ cao thì câu hỏi đưa ra có thể khó hơn. Hơn nữa, bằng cách đưa ra câu hỏi, sinh viên có thể mời người này hoặc người khác nói trực tiếp với mình mà vẫn tạo ra một không khí tự nhiên, thoải mái trong lớp học.

Có thể minh hoạ bằng bài mẫu sau:

- GV ghi lên bảng:

*I must say that my great passion in life is studying. It has always been. I'd rather do it than anything else. I don't mind doing homework and I really enjoy listening to the lectures. I don't really like getting up early but I have to because I often have lectures at 9.00.*

+ Các bước tiến hành như sau:

*- GV yêu cầu sinh viên trả lời các câu hỏi:*

T: What is his great passion?

Ss: Studying

T: What does he enjoy?

Ss: Listening to the lecture

*- GV hỏi sinh viên về chính bản thân sinh viên*

T: What is his great passion?

S1: Reading

S2: Swimming

S3: Playing football

*- Sau đó giảng viên yêu cầu SV đặt câu hỏi và trả lời theo nhóm*

S1: What is your great passion?

S2: Maths, what about you?

S3: English and chemistry

+ Những điều giảng viên cần lưu ý

- Cần chia lớp thành nhiều nhóm nhỏ, mỗi nhóm không quá 6 sinh viên. Cho mỗi nhóm cử ra một người ghi lại những gì đã được thảo luận trong nhóm.

- Mỗi nhóm chỉ thảo luận trong vòng 10 đến 15 phút. Các câu hỏi và các câu trả lời càng sát chủ đề càng tốt.

- Khuyến khích SV hỏi theo nhiều cách khác nhau.

*b. Thảo luận theo đề tài*

Thảo luận theo đề tài là hoạt động dạy nói mà trong đó SV thảo luận theo nhóm hoặc theo cặp về một số đề tài cụ thể như: môi trường, lạm phát, khoa học kỹ thuật, tình yêu, ... Các chủ đề này phải được chọn sao cho phù hợp với trình độ kiến thức chung của sinh viên. Mặt khác, chúng cũng phải đủ thú vị để không làm cho sinh viên nhàm chán. Để cung cấp kiến thức nền tạo điều kiện cho sinh viên dễ tìm được ý để nói, GV sẽ cung cấp cho SV một (hoặc nhiều hơn) bài đọc về chủ đề có liên quan.

Thảo luận theo đề tài là một loại hoạt động dạy nói rất hữu ích vì các lí do sau:

Thứ nhất, đa số SV đều thích thảo luận theo chủ đề vì họ có rất nhiều cơ hội để thực hành nói tiếng Anh một cách tự nhiên. Cách thức này cũng rất hiệu quả trong việc thúc đẩy sinh viên nói, kích thích sự tò mò và trí tưởng tượng của sinh viên.

Thứ hai, thảo luận thảo luận theo nhóm có thể tạo

ra một không khí học tập sôi nổi trong lớp và giúp cho SV học cách giúp đỡ nhau tốt hơn.

Thứ ba, nó là một hoạt động hỗ trợ rất tốt cho hoạt động viết.

+ Có thể đưa ra một bài giảng mẫu như sau:

- Giảng viên viết lên bảng

*People living on the earth haven't realized the importance of a good environment. They did something to spoil it unconsciously. Tell them what would happen if they continued doing that.*

- Giảng viên chia lớp thành nhiều nhóm, mỗi nhóm từ 3 đến 6 SV.

Dành cho các nhóm từ 7 đến 10 phút để thảo luận

- Gọi đại diện của một nhóm trình bày kết quả thảo luận chung của cả nhóm

*T: Have human beings been in danger?*

*S: Yes, we have.*

*T: Can you tell us why?*

*S: Forests have been destroyed.*

*T: Yes?*

*S: So the animals have been disappearing.*

*T: Come on!*

*S: The seas and oceans have been being contaninated. This has threatened the survival of the marinal spieces.*

*T: What about human being?*

*S: We have suffered from many diseases caused by a polluted atsmosphere. Every year, floods, droughts, storms caused us damages of billion dollars. The holes in the ozon layer make the number of cancer patients go up fast recently.*

*T: Very good, what about other groups?*

d. GV gọi đại diện nhóm thứ 2 và các bước tương tự như nhóm thứ nhất nhưng nội dung câu hỏi nên thay đổi để tránh nhàm chán.

*c. Một số biện pháp khác*: đóng kịch, kể chuyện, phân vai... để kích thích sinh viên hứng thú trong giờ học nói tiếng Anh mà mỗi một giáo viên phải linh hoạt áp dụng cho phù hợp với các đối tượng SV.

*d. Cho SV nước ngoài sang thực tập tại trường tham gia dạy nói tiếng Anh cho sinh viên của trường*

GV giao nhiệm vụ và ý tưởng chung về tiết dạy cho SV nước ngoài. Sau đó yêu cầu thực tập sinh nước ngoài soạn giáo án, giảng viên duyệt giáo án trước khi các sinh viên đó dạy trên lớp để đảm bảo tính hệ thống và phù hợp với trình độ của hầu hết SV.

*2.2.3. Đối với sinh viên*

SV cần xác định cho mình một động cơ, thái độ học tập đúng đắn, có chiến lược học phù hợp để nâng cao chất lượng học tập. Thay đổi phương pháp học tiếng Anh cho phù hợp với thời đại công nghệ 4.0. Tích cực tham gia vào các hoạt động tại lớp, tận dụng triệt để thời gian học tiếng trên lớp để thực hành giao tiếp, hạn chế các hoạt động viết trong giờ thực hành nói tiếng Anh.

SV nên tạo thói quen tư duy bằng tiếng Anh, hạn chế việc dịch câu từ tiếng Việt sang tiếng Anh sau đó mới nói. Luôn tìm mọi cơ hội để có thể giao tiếp bằng tiếng Anh bên ngoài lớp học: nói chuyện với bạn bè bằng tiếng Anh, tham gia câu lạc bộ tiếng Anh do Đoàn thanh niên cộng sản, hội SV nhà trường thành lập, tham gia trợ giảng cho GV người nước ngoài tại các trung tâm tiếng Anh,...

*2.2.4. Đối với nhà trường*

Nhà trường cần quan tâm hơn nữa đến trang thiết bị dạy học tiếng Anh, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học. Thực hiện quy mô lớp nhỏ (30-35 sinh viên) để SV có nhiều cơ hội thực hành giao tiếp hơn nữa. Thực hiện kiểm tra, đánh giá trình độ tiếng Anh đầu khóa học cho SV và xếp lớp theo trình độ để GV có biện pháp giảng dạy phù hợp với đối tượng và sinh viên không cảm thấy nhàm chán khi học dễ quá hoặc khó quá so với trình độ của mình.

**3. Kết luận**

Cải thiện kĩ năng nói tiếng Anh cho sinh viên, đặc biệt là SV năm thứ nhất là một công việc không hề đơn giản, cần có thời gian để GV hướng dẫn SV thay đổi một thói quen học ngoại ngữ đã trở nên lỗi thời, không còn phù hợp trong tình hình mới. Hơn thế nữa, để thành thạo, nâng cao một kĩ năng ngôn ngữ, đặc biệt là tiếng nước ngoài như tiếng Anh, phải có thời gian thực hành hhoa học, phù hợp với thực tiễn, phải có sự hợp tác chặt chẽ giữa GV và SV. Điều quan trọng hơn nữa là SV cần có động cơ, thái độ và chiến lược học tập khoa học để việc rèn luyện nâng cao kỹ năng nói tiếng Anh đạt hiệu quả cao.

**** Nghiên cứu này được sự hỗ trợ bởi Trường Đại học Tân Trào - Tuyên Quang, Việt Nam***

**Tài liệu tham khảo**

1. Breen, M. P., & Candlin, C. (1980). *The essentials of communicative curriculum in language teaching*. Applied Linguistics, *1(2)*, 89-112.

2. Brown, H. D. (2001). *Teaching by principles: An interactive approach to language pedagogy*. New York: Pearson Longman

3. Brumfit, C. J. (1983). (Ed.). *Teaching literature overseas: Language-based approaches*. ELT Documents, 115. London, UK: Pergamon Press and the British Council.